

**CÔNG TY CP KINH DOANH VÀ
PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
TDC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /KDPT-ĐC

V/v đính chính số liệu của Báo cáo tài chính
quý 4 năm 2013

Bình Dương, ngày 17 tháng 02 năm 2014

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ số liệu của Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 của công ty ngày 12/02/2014,

Do trong quá trình nhập liệu có sự sai sót về số liệu trong Mục Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2013. Nay công ty làm công văn này xin đính chính lại số liệu như sau:

- Số liệu tại mã số 23, dòng 33-34 (chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác) và mã số 24 dòng 35-36 (Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác) bị đảo ngược dòng. Nay điều chỉnh lại như sau:

33.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của	-
34	đơn vị khác	23 (3.000.000.000)
35.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	-
36	đơn vị khác	24 3.000.000.000

- Số liệu lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này của năm trước (2012) sẽ được chỉnh sửa lại cho đúng với số liệu của quý 4 năm 2012 (số liệu đã nhập là số liệu của quý 3 năm 2012). Số liệu được đính chính cập nhật lại sẽ được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty, Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán nhà nước và đính kèm công văn này.

Trên đây là thông tin đính chính về số liệu trong Mục lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 của Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương xin báo cáo để các quý cơ quan được biết./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, TKCT.



Bùi Thị Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.320.573.640.976	3.146.980.302.411
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	51.510.909.893	42.571.676.070
1. Tiền	111		37.292.190.913	16.571.676.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.218.718.980	26.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.708.925.100	5.814.123.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	8.095.770.935	8.095.770.935
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.386.845.835)	(2.281.647.335)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		597.382.724.209	1.401.110.709.455
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	578.278.142.747	1.364.701.956.607
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	9.506.334.372	19.676.171.082
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	15.027.693.725	21.321.874.830
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(5.429.446.635)	(4.589.293.064)
IV. Hàng tồn kho	140		2.658.656.671.467	1.686.229.548.595
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2.658.692.621.215	1.686.328.367.176
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.949.748)	(98.818.581)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.314.410.307	11.254.244.691
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	3.024.356.382	2.551.770.376
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	820.250.960
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.25	173.811.418	77.795.434
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	5.116.242.507	7.804.427.921

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.093.468.370.688	351.599.738.213
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		709.251.870.595	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	709.251.870.595	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		300.595.573.826	247.377.866.810
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	215.325.886.021	214.870.310.109
Nguyên giá	222		313.470.109.335	296.042.130.773
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.144.223.314)	(81.171.820.664)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	37.572.275.241	9.744.742.875
Nguyên giá	228		38.739.928.125	10.702.900.743
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.167.652.884)	(958.157.868)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	47.697.412.564	22.762.813.826
III. Bất động sản đầu tư	240	V.15	1.559.848.525	1.745.177.065
Nguyên giá	241		2.409.271.000	2.409.271.000
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(849.422.475)	(664.093.935)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		54.337.395.382	52.758.843.321
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	17.818.515.752	2.947.177.768
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	36.760.000.000	51.160.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(241.120.370)	(1.348.334.447)
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.858.161.045	47.263.217.709
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	19.970.323.023	42.287.189.174
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	4.932.641.197	4.002.199.135
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	955.196.825	973.829.400
VI. Lợi thế thương mại	269	V.22	1.865.521.314	2.454.633.308
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.414.042.011.664	3.498.580.040.624

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.151.674.648.909	2.252.537.468.131
I. Nợ ngắn hạn	310		3.026.610.067.993	2.014.939.787.817
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	289.303.232.054	221.470.911.992
2. Phải trả người bán	312	V.24	1.390.518.585.613	742.663.264.030
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	287.533.311.344	290.416.430.125
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	57.350.529.324	45.497.216.274
5. Phải trả người lao động	315	V.27	9.752.988.116	8.478.874.925
6. Chi phí phải trả	316	V.28	739.137.437.139	490.147.414.624
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.29	243.287.882.457	203.629.765.148
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.30	8.414.006.876	10.961.941.487
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.31	1.312.095.070	1.673.969.212
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		125.064.580.916	237.597.680.314
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	20.000.000	10.020.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	121.444.537.643	222.712.839.848
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.34	3.600.043.273	4.864.840.466
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.220.441.474.713	1.203.434.350.953
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.220.441.474.713	1.203.434.350.953
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	4.907.875.019	4.793.855.523
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.35	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.35	28.617.130.972	28.435.349.121
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35	13.796.076.322	13.620.341.765
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.35	171.279.268.560	154.743.680.704
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.36	41.925.888.042	42.608.221.540
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.414.042.011.664	3.498.580.040.625

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

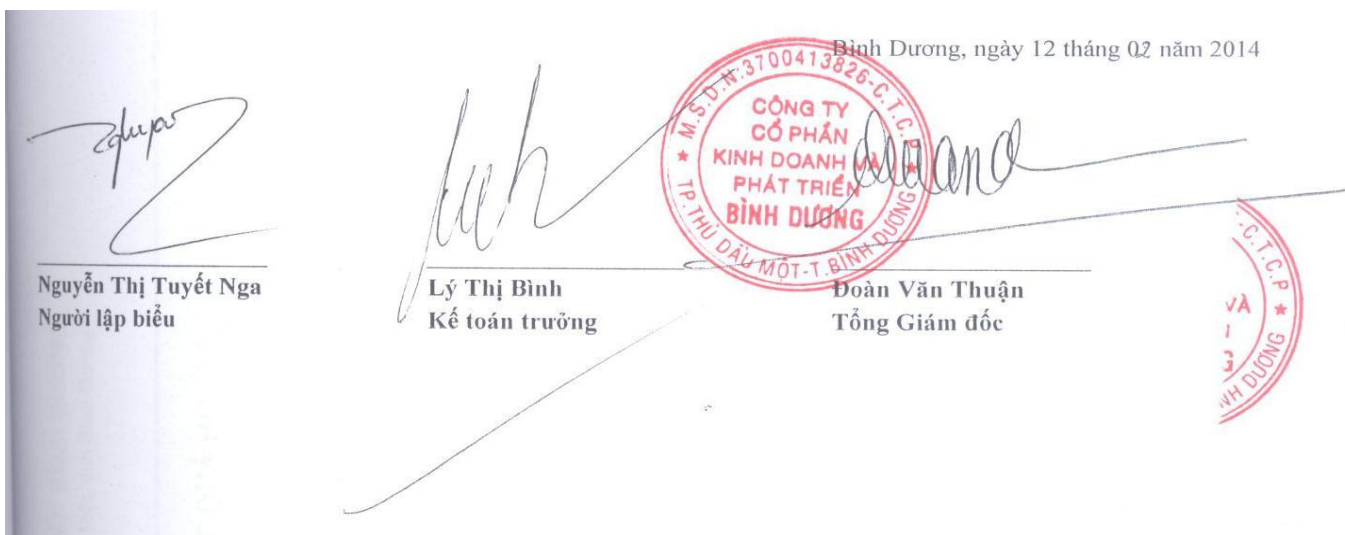
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14.224.277	14.224.277
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(Dạng đầy đủ)
NĂM 2013

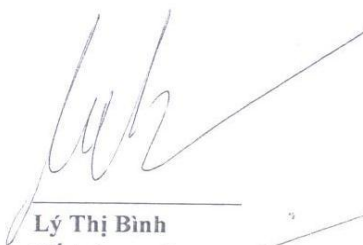
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.087.113.029.752	1.283.425.373.736	2.016.351.653.775	1.853.649.274.875
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	186.926.858.355	101.657.882.562	385.970.739.879	137.194.590.967
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	900.186.171.397	1.181.767.491.174	1.630.380.913.896	1.716.454.683.908
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	645.044.865.773	936.798.435.542	1.259.696.532.167	1.380.702.040.320
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		255.141.305.624	244.969.055.632	370.684.381.729	335.752.643.588
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	936.537.291	1.233.469.636	4.387.843.404	15.450.928.638
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	9.141.223.402	24.035.341.571	41.950.485.475	43.407.983.197
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.288.676.479	18.084.179.934	39.048.522.967	35.844.990.221
8.	Chi phí bán hàng	24		36.922.514.724	49.235.485.463	89.584.026.772	75.340.031.913
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.220.357.072	32.738.301.719	61.691.331.034	56.809.267.281
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		191.793.747.718	140.193.396.516	181.846.381.853	175.646.289.836
11.	Thu nhập khác	31	VI.5	22.166.199.460	12.239.280.949	34.071.270.494	35.627.109.795
12.	Chi phí khác	32	VI.6	2.476.562.656	120.074.874	3.272.882.072	899.820.117
13.	Lợi nhuận khác	40		19.689.636.804	12.119.206.075	30.798.388.422	34.727.289.678
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		112.658.266	182.329.825	471.337.984	336.514.708

15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	211.596.042.788	152.494.932.416	213.116.108.259	210.710.094.222
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	50.187.149.435	40.454.720.107	54.089.384.403	52.463.095.395
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	1.625.624.309	(2.695.097.478)	(930.442.062)	- 1.695.128.507
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>159.783.269.044</u>	<u>114.735.309.787</u>	<u>159.957.165.918</u>	<u>159.942.127.334</u>
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	2.576.101.172	1.202.811.492	867.750.263	(465.077.467)
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	157.207.167.872	113.532.498.295	159.089.415.655	160.407.204.801
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9 1.572	1.135	<u>1.591</u>	<u>1.604</u>



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 12 tháng 02 năm 2014



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

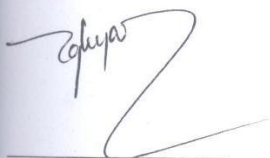
Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

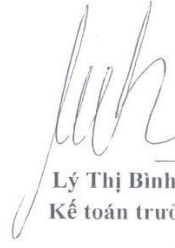
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.201.593.736.608	1.434.049.164.963
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(863.843.991.343)	(622.880.098.838)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(82.885.021.710)	(69.812.455.458)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(38.449.934.540)	(32.269.865.668)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(29.240.050.091)	(6.581.443.863)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		168.825.677.287	138.756.471.911
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(728.690.938.635)	(332.780.620.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		627.309.477.576	508.481.152.995
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.364.464.745)	(27.697.068.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(1.587.407.980)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.525.000.000)	(23.331.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.420.507.656	16.392.200.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.468.957.089)	(27.330.638.879)

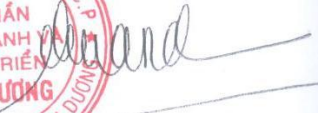
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		8.717.078.690	32.139.335.943
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		31.554.087.867	(84.705.989.352)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(640.141.703.224)	(394.002.361.858)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	(1.755.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.030.750.000)	(78.519.220.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(600.901.286.667)	(503.709.140.969)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.939.233.823	(22.558.626.853)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.571.676.070	65.130.302.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	51.510.909.893	42.571.676.070

Bình Dương, ngày 12 tháng 02 năm 2014


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính năm 2013 của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
- Tổng số các công ty con** : 4
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 4

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	70,59%	70,59%
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	79,37%	79,37%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, Đường Lê Hoàng, P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	80,86%	80,86%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp 10, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	81,00%	81,00%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Trường Đại học Quốc tế miền Đông	Khu đô thị mới thuộc khu liên hợp Công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	24,00%	24,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 911 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 920 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ

Trong kỳ, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý (được xác định bằng giá trị sổ sách) thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 33 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Mức trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm của các công ty trong Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

24. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.842.927.242	1.239.783.669
Tiền gửi ngân hàng	22.574.780.317	15.331.892.401
Các khoản tương đương tiền (*)	25.093.202.334	26.000.000.000
Cộng	51.510.909.893	42.571.676.070

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND đang được cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng này.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	433.709	4.893.028.550	433.709	4.893.028.550
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	6	60.000	6	60.000
Cộng		8.095.770.935		8.095.770.935

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.281.647.335	1.865.688.916
Trích lập dự phòng bổ sung	1.575.190.600	415.958.419
Hoàn nhập dự phòng	469.992.100	
Số cuối kỳ	3.386.845.835	2.281.647.335

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, sản xuất thành phẩm, xây dựng	308.809.469.223	536.131.661.038
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	269.468.673.524	828.570.295.569
Cộng	578.278.142.747	1.364.701.956.607

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	8.456.104.155	14.573.995.576
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ	710.431.217	1.727.215.988
Trả trước các nhà cung cấp khác	339.799.000	3.374.959.518
Cộng	9.506.334.372	19.676.171.082

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu		109.444.444
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	7.517.380.866	13.726.054.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.387.749.835	3.850.820.456
Cổ tức phải thu	1.485.653.015	465.369.864
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	616.809.261	616.809.262
Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã chi	949.042.889	1.603.192.246
Các khoản phải thu khác	2.071.057.859	1.126.249.466
Cộng	15.027.693.725	21.497.940.377

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm		-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	375.164.712	157.282.824
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	458.039.443	12.494.968
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	4.596.242.480	4.419.515.272
Cộng	5.429.446.635	4.589.293.064

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	130.722.952	1.332.100
Nguyên liệu, vật liệu	20.105.442.843	22.856.527.479
Công cụ dụng cụ	1.258.171.497	919.237.688
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.087.359.614.615	1.541.145.161.161

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành phẩm	4.673.394.521	3.837.492.954
Hàng hóa	545.165.274.787	117.568.615.794
Cộng	2.658.692.621.215	1.686.272.293.607

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.024.356.382	1.355.710.942
Chi phí khác		1.196.059.434
Cộng	3.024.356.382	2.551.770.376

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	5.106.242.507	7.728.427.921
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	76.000.000
Cộng	5.116.242.507	7.804.427.921

11. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu khách hàng theo tiến độ trả góp căn hộ.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	90.926.764.454	90.332.695.066	98.368.998.488	3.196.405.463	13.217.267.302	296.042.130.773
Tăng trong kỳ	16.649.918.016	3.258.943.330	9.803.774.063	1.249.636.170	-	30.962.271.579
Mua trong kỳ	1.573.098.517	1.838.053.981	8.853.080.290	772.571.335	-	13.036.804.123
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.076.819.499	1.420.889.349	950.693.773	477.064.835	-	17.925.467.456
Giảm trong kỳ	(132.838.646)	(482.620.325)	(11.346.537.735)	(1.499.136.311)	(73.160.000)	(13.534.293.017)
Thanh lý, nhượng bán	-	(45.454.546)	(11.286.694.921)	(167.813.636)	-	(11.499.963.103)
Giảm khác (do phân loại lại tài sản)	-	-	-	-	(48.120.000)	(48.120.000)
Giảm khác (chuyển sang công cụ, dụng cụ)	(132.838.646)	(437.165.779)	(59.842.814)	(1.331.322.675)	(25.040.000)	(1.986.209.914)
Số cuối kỳ	107.443.843.824	93.109.018.071	96.826.234.816	2.946.905.322	13.144.107.302	313.470.109.335
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	14.741.151.345	19.645.982.596	42.399.349.112	1.940.355.489	2.444.982.124	81.171.820.664
Khấu hao trong kỳ	7.634.756.540	8.691.901.615	10.230.851.153	417.372.620	647.975.847	27.622.857.774
Giảm trong kỳ	(79.111.638)	(276.050.492)	(9.317.804.501)	(963.577.373)	(13.911.120)	(10.650.455.124)
Thanh lý, nhượng bán	-	(16.414.138)	(9.289.678.331)	(80.031.779)	-	(9.386.124.248)
Giảm khác (chuyển sang công cụ, dụng cụ)	(79.111.638)	(259.636.354)	(28.126.170)	(883.545.594)	(13.911.120)	(1.264.330.876)
Số cuối kỳ	22.296.796.247	28.061.833.718	43.312.395.763	1.394.150.736	3.079.046.851	98.144.223.314

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	76.185.613.110	70.686.712.471	55.969.649.377	1.256.049.974	10.772.285.179	214.870.310.109
Số cuối kỳ	85.147.047.578	65.047.184.353	53.513.839.053	1.552.754.586	10.065.060.452	215.325.886.021
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 116.764.103.072 VND và 95.735.700.160 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.532.500.000	170.400.743	10.702.900.743
Tăng trong kỳ	27.988.907.382	48.120.000	28.037.027.382
Số cuối kỳ	38.521.407.382	218.520.743	38.739.928.125
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	806.666.685	151.491.183	958.157.868
Khấu hao trong kỳ	176.000.004	33.495.012	209.495.016
Số cuối kỳ	982.666.689	184.986.195	1.167.652.884
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.725.833.315	18.909.560	9.744.742.875
Số cuối kỳ	37.538.740.693	33.534.548	37.572.275.241
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua quyền sử dụng đất	21,464,297,728	41,556,165,620	(30,043,875,802)	-	32,976,587,546
Mua sắm tài sản cố định	178,093,427	20,529,631,773	(8,742,149,955)	-	11,965,575,245
XDCB dở dang	1,120,422,671	17,894,628,274	(16,053,890,406)	205,910,766	2,755,249,773
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1,396,358,306	-	1,396,358,306)	-
Cộng	22,762,813,826	81,376,783,973	(54,839,916,163)	(1,602,269,072)	47,697,412,564

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.409.271.000	664.093.935	1.745.177.065
Khấu hao trong năm	-	185.328.540	
Số cuối kỳ	2.409.271.000	849.422.475	1.559.848.525

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾	50,00%	3.418.515.752	50,00%	2.947.177.768
Trường Đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱⁱ⁾	24,00%	14.400.000.000		-
Cộng		17.818.515.752		2.947.177.768

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Khoản đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông được phân loại từ đầu tư dài hạn khác (xem thuyết minh số V.17). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ</u>	<u>Tăng (giảm) khác</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối kỳ</u>
Công ty TNHH Sinviet	2.947.177.768	471.337.984		3.418.515.752
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	-	-	14.400.000.000	14.400.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Tăng (giảm) khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Cộng	2.947.177.768	471.337.984	14.400.000.000	17.818.515.752

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	13.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Trường đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱ⁾	-	-	1.440.000	14.400.000.000
- Công ty cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Cộng		36.760.000.000		51.160.000.000

⁽ⁱ⁾ Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông sang Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (xem thuyết minh số V.16).

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.907.709.161	33.468.772.159
Chi phí thuê văn phòng	162.678.080	205.269.347
Công cụ, dụng cụ	13.279.689.054	4.283.224.169
Chi phí khác	3.620.246.728	4.329.923.499
Cộng	19.970.323.023	42.287.189.174

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	4.002.199.135	2.307.070.628
Số phát sinh	930.442.062	1.695.128.507
Số cuối kỳ	4.932.641.197	4.002.199.135

21. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

22. Lợi thế thương mại

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

Nguyên giá		
Số đầu năm		2.945.559.970
Số cuối kỳ		2.945.559.970
Số đã phân bổ		
Số đầu năm		490.926.662
Phân bổ trong kỳ		589.111.994
Số cuối kỳ		1.080.038.656
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		2.454.633.308
Số cuối kỳ		1.865.521.314
23. Vay và nợ ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	289.303.232.054	220.337.111.992
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	250.214.147.251	219.207.112.780
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾		1.129.999.212
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	39.089.084.803	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33)	-	1.133.800.000
Cộng	289.303.232.054	221.470.911.992
⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.		
⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.		
⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất gồm: nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà xe công nhân, nhà vệ sinh công nhân, nhà bảo vệ, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, kết cấu thủy đài và các công trình xây dựng phụ gắn liền.		
24. Phải trả cho người bán		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	136.252.211.231	135.046.591.816
Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng	1.251.865.864.198	605.880.981.169
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.400.510.184	1.735.691.045
Cộng	1.390.518.585.613	742.663.264.030
25. Người mua trả tiền trước		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	226.035.711.287	235.308.045.303
Các khoản người mua trả tiền trước khác	61.497.600.057	55.108.384.822
Cộng	287.533.311.344	290.416.430.125

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.556.457.602	35.660.273.772	34.884.820.136	12.331.911.238
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	245.375.609	245.375.609	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	347.241.111	347.241.111	
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	32.212.378.090	57.160.352.517	44.707.155.480	44.665.575.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.519.896.527	240.572.958	1.718.661.516	41.807.969
Thuế thu nhập cá nhân (*)	186.040.423	2.726.972.686	2.775.589.538	137.423.571
Các loại thuế khác	97.499.745	3.097.737.375	3.195.237.120	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.214.000	324.239.000	347.453.000	
Cộng	45.595.486.387	99.802.765.028	88.221.533.510	57.176.717.905

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

27. Phải trả người lao động

Tiền lương T12, T13 còn phải trả cho nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)**28. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay		57.600.164.001
Trích trước chi phí công trình	739.042.706.543	431.961.383.615
Chi phí khác	94.730.596	585.867.008
Cộng	739.137.437.139	490.147.414.624

29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	707.038.576	1.015.584.864
Cổ tức phải trả	200.597.947.255	121.626.612.124
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	33.754.363.088	21.898.900.112
Nhận ký quỹ môi giới		2.100.452.750
Tiền mua cổ phần	5.010.245.948	54.562.646.188
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	50.000.000	100.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	538.459.251	738.243.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.629.828.339	1.587.325.390
Cộng	243.287.882.457	203.629.765.148

30. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	10.961.941.487	23.111.222.968
Tăng do trích lập trong kỳ	7.797.857.697	(254.342.103)
Số đã sử dụng	(1.018.611.620)	3.683.546.616
Hoàn nhập trong kỳ	(9.185.775.128)	(16.371.377.280)
Giảm do thanh lý hợp đồng	(142.405.560)	(151.040.456)
Số cuối kỳ	8.414.006.876	10.018.009.745

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	240.448.355	(1.032.704.175)
Quỹ phúc lợi	561.664.604	781.821.550
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	509.982.111	321.659.591
Cộng	1.312.095.027	70.776.966

32. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mượn tiền mua đất	-	10.000.000.000
Phải trả khác	20.000.000	20.000.000
Cộng	20.000.000	10.020.000.000

33. Vay và nợ dài hạn*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	128.377.041.449	72.712.839.848
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	81.424.537.643	44.008.035.762
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước ⁽ⁱⁱ⁾	-	98.950.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾		21.932.839.086
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ^(iv)	40.020.000.000	6.673.015.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	150.000.000.000
Cộng	121.444.537.643	222.712.839.848

34. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

35. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ, Tập đoàn đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 48.945.095.960 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

36. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	42.608.221.540	11.060.442.774
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	32.012.856.233
Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh	867.750.263	(465.077.467)
Thanh lý Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	(148.307.091)	-
Giảm khác	(1.401.776.670)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	Kỳ này	Năm trước
Số cuối kỳ	41.925.888.042	42.608.221.540
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.016.351.653.775	1.853.649.274.875
- Doanh thu bán hàng hóa	224.152.215.077	353.176.844.256
- Doanh thu bán thành phẩm	238.443.186.446	264.874.388.811
- Doanh thu xây dựng, kinh doanh bất động sản	1.547.983.564.168	1.222.883.389.001
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.772.688.084	12.714.652.808
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(385.970.739.879)	(137.197.590.967)
Doanh thu thuần	1.630.388.913.896	1.716.454.683.908
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	224.152.215.077	353.176.844.256
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	238.443.186.446	264.812.160.402
- Doanh thu thuần xây dựng, kinh doanh bất động sản	1.162.473.836.855	1.086.071.844.624
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.772.688.084	12.393.834.627
2. Giá vốn hàng bán	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	162.479.782.892	228.550.036.427
Giá vốn bán thành phẩm	199.309.544.182	277.359.893.669
Giá vốn xây dựng, kinh doanh bất động sản	895.745.030.217	865.477.006.686
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.162.174.876	9.315.103.538
Cộng	1.259.696.532.167	1.380.702.040.320
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	739.562.627	3.273.012.377
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.740.061.651	2.734.830.600
Lãi bán hàng trả chậm	1.063.867.994	1.277.466.923
Lãi đầu tư cổ phiếu		7.981.140.370
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.719.374	6.424.973
Doanh thu tài chính khác	842.631.758	178.053.395
Cộng	4.387.843.404	15.450.928.638
4. Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.048.522.967	35.844.990.221
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		396.261.858
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		5.267.400.560
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	570.411.889	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(2.014.748.475)	1.764.292.866
Chi phí khác	4.346.299.094	135.037.692
Cộng	41.950.485.475	43.407.983.197
5. Chi phí bán hàng		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	26.851.129.773	19.253.398.571
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.522.999.305	550.984.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.771.146.200	1.702.494.574
Chi phí hoa hồng môi giới	10.015.054.796	21.892.007.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.017.625.771	11.099.498.948
Chi phí khác	35.406.070.927	20.841.648.398
Cộng	89.584.026.772	75.340.031.913
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	29.304.106.520	27.763.118.788
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	639.510.451	1.817.765.729
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.654.760.234	3.389.413.834
Chi phí dự phòng		(57.851.158)
Thuế, phí và lệ phí	397.075.334	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.289.826.599	3.876.611.227
Chi phí khác	22.406.051.896	20.020.208.861
Cộng	61.691.331.034	56.809.267.281
7. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.107.227.245	1.022.709.257
Xử lý vật tư hàng hóa thừa	670.781.443	2.380.369.650
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	8.244.384.192	21.622.681.803
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	20.090.859.812	7.184.280.415
Thu tiền bán phế liệu	41.842.331	
Thu nhập khác	2.120.816.637	3.417.068.670
Cộng	34.071.270.494	35.627.109.795
8. Chi phí khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý,	1.934.360.791	291.055.668

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
nhượng bán		
Chi phí thanh lý hợp đồng	642.939.000	
Chi phí khác	695.582.281	608.764.449
Cộng	3.272.882.072	899.820.117

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	159.089.415.655	160.407.204.801
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.591	1.604

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	369.217.898.544	303.212.258.265
Chi phí nhân công	52.252.423.126	79.710.157.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.593.903.588	21.213.484.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.275.942.832	22.446.584.048
Chi phí khác	124.970.418.897	87.963.987.936
Cộng	602.310.586.987	514.546.472.558

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương	4.144.510.696
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	353.261.252
Tiền thưởng	927.459.153
Cộng	5.425.231.101

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một Cổ đông đại diện vốn nhà nước thành viên	
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty liên doanh VSIP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược phẩm Savipharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư (ISC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Ánh Sao Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần công nghệ thông tin Việt Nam (VNIT)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam – Singapore (Vsp ISC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>	<i>1.262.111.678.926</i>	
Thi công xây dựng	319.173.413.067	303.290.424.006
Cổ tức phải trả	78.910.650.000	
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	863.742.136.059	
Xuất bán hàng hóa và dịch vụ	285.480.800	94.242.622.447
Thu hộ tiền bán đất		435.341.182.592
Khác		145.601.906
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>	<i>1.393.053.718</i>	
Bán gạch	172.430.500	
Bán vật tư	1.220.623.218	
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ</i>	<i>4.305.862.912</i>	<i>14.965.801.769</i>
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	4.305.862.912	
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>	<i>927.312.400</i>	<i>8.521.990.069</i>
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	927.312.400	
Cổ tức được chia		
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>	<i>945.967.200</i>	
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	945.967.200	1.465.720.697
Mua nguyên vật liệu		434.826.800
<i>Công ty CP phát triển giáo dục miền Đông</i>	<i>150.956.929.401</i>	
Xuất thi công XD	150.956.929.401	
<i>Công ty CP khoáng sản Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	2.199.572.354	

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP dược Becamex	42.160.008.550	
Mua đất nền	42.160.008.550	
Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	(7.132.680.869)	
Xuất bán hàng hóa, dịch vụ	(7.132.680.869)	17.465.775.684
Xây dựng công trình		333.619.466.407
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	7.584.613.483	9.062.675.008
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm		
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	570.971.053	
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm		
Công ty cổ phần bê tông Becamex	51.404.000	315.790.600
Tiền bán nguyên vật liệu		
Công ty cổ phần phát triển đô thị	5.056.245.505	8.586.352.300
Bán thành phẩm		
Công ty CP bệnh viện Mỹ Phước	(23.721.139.850)	
Ứng tiền thi công công trình		
Công ty CP phát triển giáo dục miền Đông	65.052.623.418	
Công ty CP dược Becamex	(5.802.000.000)	
Cộng nợ phải thu	41.660.036.740	369.050.059.999
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	1.097.342.275.591	
Chuyển nhượng QSDĐ	895.110.625.591	
Cổ tức phải trả	200.311.650.000	
Vay dài hạn		150.000.000.000
Phải trả tiền thuê đất và phí quản lý		3.601.219.029
Thuê đất	1.920.000.000	
Thu hộ tiền bán đất		372.724.852.279
Công ty cổ phần bê tông Becamex	346.976.740	
Công ty CP phát triển đô thị UDJ	5.010.245.948	
Tiền mua cổ phần		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2013 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>	2.230.432.500	
<i>Công ty CP xây dựng và giao thông BD</i>		188.400.000
<i>Công ty CP bê tông ly tâm Thủ Đức</i>		5.503.635.905
<i>Công ty liên doanh Sin Việt</i>		8.967.200
<i>Công ty CP dược Becamex</i>	138.561.138.550	
Cộng nợ phải trả	<u>1.243.491.069.329</u>	<u>532.027.074.413</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Bình Dương, ngày 12 tháng 02 năm 2014



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

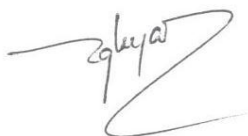
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2013

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.793.855.523	(8.098.244.246)	28.435.341.431	13.620.335.656	210.059.265.513	1.250.651.677.717
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	160.407.204.801	160.407.204.801
Tăng do hợp nhất	-	-	-	392.171.790	7.690	6.109	(1.606.801.823)	(1.214.616.234)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(10.556.124.199)	(10.556.124.199)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(200.855.000.000)	(200.855.000.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	7.706.072.456	-	-	-	7.706.072.456
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước của Công ty cổ phần của sở mùa xuân	-	-	-	-	-	-	221.433.413	221.433.413
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.926.297.002)	(2.926.297.002)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.793.855.523	-	28.435.349.121	13.620.341.765	154.743.680.704	1.203.434.350.952
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.793.855.523	-	28.435.349.121	13.620.341.765	154.743.680.704	1.203.434.350.952
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	159.089.415.655	159.089.415.655
Phân phối các quỹ	-	-	114.019.496	-	181.781.851	175.734.557	(12.422.754.415)	(11.951.218.511)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(130.000.000.000)	(130.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(131.073.384)	(131.073.384)
Số dư cuối kỳ	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,907,875,019	-	28,617,130,972	13,796,076,322	171,279,268,560	1,220,441,474,712


Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 12 tháng 02 năm 2014

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc